

Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển

Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 22/12/2024 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và thực hiện nuôi trồng thủy sản năm 2025.

Căn cứ Bản tin số KTHM-05/17h00/BDIN ngày 15/10/2024 về dự báo, cảnh báo thời tiết, thủy văn, hải văn thời hạn mùa khu vực tỉnh Bình Định (từ tháng 11/2024 đến tháng 4/2025) của Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Định, theo đó nhiệt độ trung bình khu vực Bình Định từ tháng 11/2023 đến tháng 04/2024, phổ biến có xu hướng cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ khoảng 0.5 - 1.0⁰C (22,4⁰C – 27,8⁰C).

Sau khi lấy ý kiến của Phòng Nông nghiệp và PTNT (Kinh tế) các huyện, thị xã và thành phố ven biển, các cơ quan chuyên môn, Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Lịch thời vụ nuôi tôm nước lợ năm 2025 tại tỉnh Bình Định như sau:

I. Lịch thời vụ nuôi tôm nước lợ tỉnh Bình Định năm 2025

(Tổng diện tích 1.939,5 ha; Thời gian trong Lịch thời vụ được tính theo Dương Lịch).

1. Vùng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao – Diện tích 45,4 ha

Nuôi 3 vụ/năm. Nuôi chuyên tôm, hình thức nuôi thâm canh.

Vụ 1: Từ ngày 01 tháng 3 đến cuối tháng 5; Vụ 2: từ ngày 01 tháng 7 đến cuối tháng 9; Vụ 3: từ ngày 01 tháng 11 đến cuối tháng 1 năm sau.

Đối tượng: Tôm thẻ chân trắng (tôm thẻ); Mật độ: 300-500 con/m².

2. Vùng nuôi tôm trên cát - Diện tích 97,6 ha

Các vùng nuôi tôm trên cát tại huyện Phù Cát, Phù Mỹ.

- **Vụ chính:** Nuôi chuyên tôm, hình thức nuôi tôm thâm canh. Nuôi 2 vụ chính/năm. Vụ 1: Từ ngày 01 tháng 02 đến cuối tháng 4; Vụ 2: Từ ngày 01 tháng 10 đến cuối tháng 12. Đối tượng: Tôm thẻ chân trắng, mật độ: 100-150 con/m².

- **Vụ phụ:** Thời gian nuôi từ ngày 01 tháng 6 đến cuối tháng 8, hình thức nuôi chuyên tôm, mật độ: 60-100 con/m².

3. Vùng nuôi tại đầm phá, cửa sông - Diện tích 1.796,5 ha

3.1. Đối với vùng cao triều đầm phá, cửa sông có cơ sở hạ tầng tương đối tốt - Diện tích 374,2 ha

- **Hình thức nuôi:** Thâm canh - bán thâm canh, nuôi chuyên tôm vụ chính (vụ 1) và vụ phụ (vụ 2).

- **Đối tượng nuôi:** Tôm thẻ chân trắng.

- **Thời gian nuôi:**

+ *Thị xã Hoài Nhơn (vùng phía Nam)*

Vùng nuôi phía nam thị xã Hoài Nhơn: xã Hoài Mỹ (dự án Công Lương, vùng đầm Công Lương), xã Hoài Hải, phường Hoài Hương.

Vụ 1: Thời gian nuôi từ ngày 15 tháng 02 đến ngày 15 tháng 5; Vụ 2: Thời gian nuôi từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 15 tháng 9.

+ *Thị xã Hoài Nhơn (trừ vùng phía nam), các huyện Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ và thành phố Quy Nhơn.*

Vụ 1: Thời gian nuôi từ ngày 01 tháng 3 đến cuối tháng 5; Vụ 2: Thời gian nuôi từ ngày 01 tháng 7 đến cuối tháng 9.

- **Mật độ nuôi:**

+ Vụ 1: Nuôi chuyên tôm, mật độ: 80-100 con/m² (riêng đối với vùng nuôi tôm xã Hoài Mỹ, xã Hoài Hải, phường Hoài Hương cơ sở hạ tầng được đầu tư cơ bản tốt hơn, vụ 1 mật độ: 100-120 con/m²).

+ Vụ phụ (vụ 2): Nuôi chuyên tôm, mật độ: 60-80 con/m².

3.2. Đối với vùng nuôi có cơ sở hạ tầng yếu kém, không đảm bảo nuôi theo hình thức thâm canh-bán thâm canh - Diện tích 1.422,3 ha

- **Hình thức nuôi:** Quảng canh cải tiến thân thiện môi trường (nuôi tổng hợp).

- **Đối tượng nuôi:** Tôm sú hoặc tôm thẻ chân trắng kết hợp với cua, cá (Dìa, Chua, Rô phi,...).

- **Thời gian thả nuôi:** Từ ngày 01 tháng 3 đến cuối tháng 9, theo phương thức đánh tĩa thả bù.

- **Mật độ:** Tôm sú ≤ 10 con/m² hoặc tôm thẻ chân trắng ≤ 20 con/m²; cá $\leq 0,1$ con/m²; cua $\leq 0,2$ con/m². Riêng các tiểu vùng nuôi sinh thái rừng ngập mặn, mật độ thả cua $\leq 0,5$ con/m².

II. Một số biện pháp kỹ thuật lưu ý

- Nhân rộng mô hình nuôi tôm an toàn sinh học, áp dụng các biện pháp nuôi tôm kết hợp với thủy sản khác (cá Rô phi, cá Chua, cá Dìa,...) nhằm hạn chế dịch bệnh.

- Đối với con giống trước khi thả nuôi: nguồn giống nhập tỉnh phải được cấp Chứng nhận kiểm dịch của cơ quan quản lý địa phương nơi xuất bán; nguồn giống trong tỉnh phải được kiểm tra, xét nghiệm đảm bảo con giống sạch bệnh.

- Người nuôi cần chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh thủy sản; tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống nuôi, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm đáp ứng với điều kiện nuôi hiện nay.

- Tùy theo điều kiện cụ thể từng vùng, các địa phương (huyện, thành phố) có thể hướng dẫn điều chỉnh mật độ nuôi phù hợp và nằm trong khung mật độ hướng dẫn của Lịch thời vụ.

- Trước khi thả nuôi thương phẩm, người nuôi nên ương tôm từ 20-30 ngày (tôm Thẻ, ương từ cỡ giống PL12; tôm Sú, ương từ cỡ giống PL15). Thời gian ương tôm giống được tính trong thời gian nuôi thương phẩm của Lịch thời vụ.

- Đối với các vùng, khu nuôi tôm thương phẩm ứng dụng công nghệ cao cần áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến hiện nay như Biofloc, semiBiofloc....

(Phần chi tiết Lịch thời vụ của 38 tiểu vùng nuôi tôm nước lợ trong tỉnh theo phụ lục đính kèm).

Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển, các đơn vị chuyên môn liên quan của Sở triển khai, hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Đài PT-TH Bình Định, Báo Bình Định;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng KHTH Sở;
- Phòng NN&PTNT/KT các huyện, TX, TP ven biển;
- Các Chi cục: TS, CNTY;
- Trung tâm: GNN, KN;
- Lưu: VT, CCTS.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hồ Đắc Chương